TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2116/2020/DS-ST
Ngày: 30-12-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

2. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

Thư ký phiên toà: Ông Lê Huy Khang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 1692/2019/TLST- DS ngày 10 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 512/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 296/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Quốc K

Địa chỉ: Số 284/73/16 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị H

Địa chỉ: Số 169/72/111 Ngô Tất Tố, Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2019 nguyên đơn ông Bùi Quốc K trình bày: Vào ngày 24 tháng 4 năm 2018 bà Phạm Thị H có ký hợp đồng vay tiền của ông số tiền 124.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 0.1%/ ngày mục đích vay tiền của bà là để đóng tiền đòi thừa kế gì đó (theo bà trình bày với ông), từ khi vay tiền đến nay bà H chưa từng trả cho ông bất cứ số tiền gốc cũng như lãi suất đã thỏa thuận. Dù ông đã nhiều lần điện thoại cho bà H nhưng bà H cứ hứa mà không trả cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu buộc bà Phạm Thị H trả lại ông tổng số tiền làm tròn là 186.985.000.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 124.000.000 đồng, số tiền nợ lãi tạm

tính từ ngày 24/4/2018 đến ngày 05/11/2020 lãi suất 20%/năm là 62.985.000 đồng. Khi giao kết hợp đồng thỏa thuận lãi 0,1%/ ngày nhưng nay ông chỉ yêu cầu lãi suất là 20%/năm theo quy định của pháp luật. Ông K cũng tiếp tục yêu cầu bà H trả lãi cho đến khi trả xong nợ. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án, không có văn bản gửi cho Tòa án nên không thể ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn vắng mặt vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả cho ông số tiền 124.000.000 (một trăm hai mươi bốn triệu) đồng gốc, lãi đến ngày 30/12/2020 là 66.722.000 (sáu mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn) đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 190.722.000 (một trăm chín mươi triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn) đồng. Yêu cầu tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định của tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quy định của tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật; Căn cứ các Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án*: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay và lãi suất. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ có 02 địa chỉ: 1. Theo xác minh ngày 22/7/2020 của Công an xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn "Tại 87/9B đường đường XTT7, xã Xuân Thới Thượng, Hóc Môn đã xác minh "trên địa bàn quản lý thuộc tuyến đường XTT7, ấp 3, Xuân Thới Thượng, Hóc Môn không có địa chỉ 87/9B, cũng không có ai tên Phạm Thị H, sinh năm 1971 ngụ tại địa chỉ trên". 2. Theo kết quả xác minh ngày 28/10/2019 của Công an Phường 22, quận Bình Thạnh trả lời " bà Phạm Thị H có hộ khẩu thường trú tại Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2002, hiện nay chưa xác định được nơi ở hiện tại". Như vậy bà H đã thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương biết nơi cư trú mới, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP

ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn là Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt trên các phương tiện truyền thông đại chúng hợp lệ theo quy định tại các Điều 179, 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét bị đơn có nơi cư trú tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử; cũng đã tiến hành tống đạt trên các phương tiện truyền thông đại chúng hợp lệ theo quy định tại các Điều 179, 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Trong suốt quá trình từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án bị đơn không có mặt, không trình bày ý kiến chứng tỏ bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và những chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Căn cứ hợp "Hợp đồng kiêm giấy nợ" ngày 24/4/2018 bà Phạm Thị H có vay của ông K số tiền 124.000.000 (*một trăm hai mươi bốn triệu*) đồng, cam kết trả nợ vào ngày 24/6/2018. Trong quá trình vay mặc dù ông Khánh đã yêu cầu trả nợ nhưng bà H vẫn không trả cho ông bất cứ nợ gốc cũng như số tiền lãi nào theo hợp đồng. Đến thời điểm hiện tại, đã quá hạn trả tiền, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nên ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà H thanh toán dứt điểm số tiền nợ gốc là 124.000.000 (*một trăm hai mươi bốn triệu*) đồng và còn phải thanh toán lãi suất 20%/ năm tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ.

Ông K cũng khẳng định chuyện vay tiền chỉ là việc cá nhân giữa ông K và bà H với mục đích riêng của bà H không liên quan đến người khác.

Căn cứ các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng bà H có vay của ông K số tiền gốc là 124.000.000 (*một trăm hai mươi bốn triệu*) đồng, ông K cũng đã đăng lên báo đài theo quy định của pháp luật về việc có yêu cầu bà H trả số tiền gốc đã vay và lãi suất theo là 20%/ năm theo quy định của pháp luật, nhưng bà Huyền không đến Tòa án cũng không cấp chứng cứ gì khác nên xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu lãi suất trong suốt quá trình vay bà H chưa thanh toán được nợ gốc cũng như lãi cho ông K, hợp đồng vay tiền đã hết hạn trả nợ, bà H không trả tiền cho ông K làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông K nên yêu cầu của ông Khánh về việc yêu cầu bà H trả lãi tạm tính từ ngày 24/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/12/2020 lãi

suất 20% năm/ năm. Hợp đồng kiêm giấy nợ có thỏa thuận lãi suất là 0.1%/ ngày, nhưng khi khởi kiện ông K chỉ yêu cầu bà H trả lãi là 20%/ năm phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Phạm Thị H trả cho ông Bùi Quốc K số tiền 124.000.000 (*một trăm hai mươi bốn triệu*) đồng gốc; lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/12/2020 là 66.722.000 (sáu mươi sáu triệu) đồng; tổng số tiền bà H phải thanh toán cho ông K là 190.722.000 (Một trăm chín mươi triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn) đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền là 190.722.000đ x 5% = 9.536.000 (chín triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí hoàn lại án phí cho nguyên đơn.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 179, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Phạm Thị H trả cho ông Bùi Quốc K số tiền là 190.722.000 (Một trăm chín mươi triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn) đồng; trong đó nợ gốc 124.000.000 (*một trăm hai mươi bốn triệu*) đồng, nợ lãi 66.722.000 (sáu mươi sáu triệu) đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu tiền án phí là 9.536.000 (chín triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn) đồng.

Nguyên đơn ông Bùi Quốc K không phải chịu án phí hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 3.200.000 (ba triệu hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0021694 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Tuyết Lạnh